

Bản án số: 24/2024 /HS - ST
Ngày 06/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân
2. Ông Phạm Hồng Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lệ Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2024/TLST - HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST – HS ngày 04/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/HSST – QĐ ngày 18/7/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T - sinh ngày: 13/3/2000 tại huyện V, tỉnh T. Nơi cư trú: Khu phố G, thị trấn V, huyện V, tỉnh T. Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn S1 –sinh năm 1957 và con bà Lê Thị C - sinh năm: 1976. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 2001, bị cáo có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2024). Tiền án: không; tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 22/2024/LCĐKNCT ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Người bị hại: Bà Trương Thị S – sinh năm 1963 (đã chết)

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Anh Nguyễn Đại P – sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 2001.

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn C1 – sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh T.

+ Anh Lê Văn Th – sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh T.

Những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 07/4/2024, Trần Văn T, sinh năm 2000, trú tại khu phố G, thị trấn V, huyện V, tỉnh T, sau khi uống rượu tại nhà Lê Văn Th, sinh năm 1986, trú tại thôn P, xã N, huyện V, tỉnh T, T đã điều khiển xe mô tô BKS 36L6-131.68 trên QL45 theo phần đường bên phải hướng phố Kiểu – thị trấn Vĩnh Lộc để về nhà. Khi đi đến KM 38+250 thuộc địa phận thôn T, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, mặc dù đoạn đường thẳng, không có chướng ngại vật, không bị hạn chế tầm nhìn nhưng Trần Văn T đã không chú ý quan sát nên không phát hiện và giữ khoảng cách an toàn với xe đạp do bà Trương Thị S, sinh năm 1963, trú tại thôn T, xã N, huyện V, tỉnh T điều khiển đi cùng chiều phía trước, dẫn đến mặt trước ốp và đầu trục bên trái bánh trước xe mô tô do T điều khiển va chạm với mặt và má phải lớp sau của xe đạp. Hậu quả, bà Trương Thị S bị ngã, va đập xuống đường gây chấn thương sọ não dẫn đến tử vong.

Sau khi xảy ra tai nạn, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá giám định pháp y tử thi xác định nguyên nhân chết của bà Trương Thị S. Tại bản kết luận giám định số 1659/KLGĐTT-PC09 ngày 24/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: Nguyên nhân chết do chấn thương sọ não.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và Kết luận giám định số 1723/KL-KTHS ngày 26/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá xác định:

Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Mặt trước ngoài ốp và đầu trục bên trái bánh trước xe mô tô BKS 36L6-131.68 với mặt và má lớp sau cách đầu hàng chữ “NYLON” 20cm ngược chiều chuyển động tiến xe đạp. Tại thời điểm xảy ra va chạm, hai phương tiện chuyển động cùng chiều, xe mô tô ở phía sau và có vận tốc

lớn hơn xe đạp. Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm trước đầu vết cà số (1) được ghi nhận trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, thuộc phần đường bên phải hướng cầu Kiều, huyện Yên Định đi thị trấn Vĩnh Lộc, cách mép đường bên phải 0,36m. Không đủ cơ sở xác định vận tốc hai phương tiện tại thời điểm va chạm.

Cơ quan điều tra tiến hành thu mẫu máu của Trần Văn T và trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự giám định pháp hoá. Ngày 23/4/2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá có kết luận số 1622/KL-KTHS, kết luận: Mẫu máu của Trần Văn T niêm phong gửi giám định có nồng độ cồn là 116,74mg/100ml máu (*Một một S phẩy bảy bốn miligam trên một trăm mililit máu*).

Đối với 02 (hai) đoạn video có liên quan đến vụ án gồm: 01 (một) đoạn video thu từ camera của quán cafe S thuộc thôn T, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá và 01 (một) đoạn video thu từ camera của gara ô tô NT thuộc thôn T, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Sau khi nhận được kết luận kỹ thuật số điện tử, Cơ quan điều tra đã cùng với những người có liên quan đến vụ án mở, đánh giá các nội dung trong video. Kết quả: nội dung trong video phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác Cơ quan điều tra thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Về điều kiện tham gia giao thông và lỗi của người điều khiển phương tiện:

- Trần Văn T có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định. Tuy nhiên, ngày 07/4/2024, Trần Văn T điều khiển xe mô tô sau khi đã uống rượu, trong máu có nồng độ cồn. Quá trình điều khiển xe mô tô, bị cáo đã không chú ý quan sát nên không phát hiện và giữ khoảng cách an toàn với xe đạp của bà Trương Thị S đang điều khiển đi cùng chiều phía trước, là nguyên nhân và lỗi chính dẫn tới tai nạn.

- Đối với bà Trương Thị S: Mặc dù bà S điều khiển xe đạp tham gia giao thông đúng phần đường quy định, nhưng việc bà S điều khiển xe đạp vào ban đêm mà không có báo hiệu ở phía trước và sau xe cũng là một phần nguyên nhân dẫn đến tai nạn, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật giao thông đường bộ “*Người điều khiển xe thô sơ khi đi vào ban đêm phải có báo hiệu ở phía trước và phía sau xe*”. Tuy nhiên, bà Trương Thị S đã tử vong nên không xem xét trách nhiệm trước pháp luật.

Về vật chứng của vụ án:

Quá trình xác minh, Cơ quan CSĐT xác định xe mô tô BKS 36L6-131.68 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2001, trú tại khu phố G, thị trấn V, huyện V, tỉnh T (vợ của Trần Văn T). Vì vậy, đã ra quyết định xử lý đồ vật tài liệu bằng hình thức trả lại xe mô tô BKS 36L6-131.68 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị Nguyễn Thị Thu H.

Trả lại 01 xe đạp nữ màu xanh cho con trai bà Trương Thị S là anh Nguyễn Đại P, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã N, huyện V, tỉnh T.

Đối với giấy phép lái xe số 380185007497, hạng A1, mang tên Trần Văn T hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo Trần Văn T đã chủ động, tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho gia đình bà Trương Thị S số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Đại diện gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Trần Văn T.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT- VKSVL ngày 24/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Trần Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, **Điều 54** Bộ luật hình sự. Xử phạt: Trần Văn T từ 30 tháng đến 33 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn T.

- Về bồi thường dân sự: Bị cáo Trần Văn T đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho đại diện gia đình người bị hại với số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Đại diện gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về vật chứng vụ án, về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định Tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Vĩnh Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên đủ sở sở kết luận:

Vào hồi 21 giờ ngày 07/4/2024, Trần Văn T điều khiển xe mô tô BKS 36L6-131.68 trên QL45 theo hướng phố Kiều – thị trấn Vĩnh Lộc trong tình trạng đã sử dụng rượu với nồng độ cồn trong máu là 116,74mg/100ml. Khi đến Km 38+250 quốc lộ 45 thuộc địa phận thôn T, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc do không chú ý quan sát nên không phát hiện và giữ khoảng cách an toàn với xe đạp do bà Trương Thị S đang điều khiển đi cùng chiều phía trước, dẫn đến mặt trước ốp và đầu trục bên trái bánh trước xe mô tô do T điều khiển va chạm với mặt và má phải lớp sau của xe đạp làm bà Trương Thị S ngã, va đập xuống đường và tử vong do chấn thương sọ não.

Hành vi tham gia giao thông nêu trên của Trần Văn T đã vi phạm quy tắc tham gia giao thông đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật phòng, chống tác hại rượu bia sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ về “*điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn*” và vi phạm quy tắc tham gia giao thông đường bộ tại khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe, gây hậu quả nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng của người khác, xâm phạm trật tự an toàn công cộng. Hành vi của Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tính mạng của người khác và làm mất trật tự an toàn xã hội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an toàn giao thông công cộng mang tính chất nghiêm trọng. Bị cáo điều khiển xe mô tô sau khi đã uống rượu, trong máu có nồng độ cồn. Quá trình điều khiển xe mô tô, bị cáo đã không chú ý quan sát nên không phát hiện và giữ khoảng cách an toàn với xe đạp của bà Trương Thị S đang điều khiển đi cùng chiều phía trước. Hậu quả, bà Trương Thị S bị ngã, va đập xuống đường gây chấn thương sọ não dẫn đến tử vong. Để đấu tranh phòng chống và ngăn ngừa tội phạm nói chung và lập lại trật tự an toàn giao thông đường bộ nói riêng, cần thiết phải có hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo để trừng phạt và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật. Bởi vậy, cần lên cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung cũng như có đủ thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã chủ động, tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại, được UBND thị trấn V xác nhận trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, các nội quy, quy định nơi cư trú, hiện nay điều kiện sống, sinh hoạt của gia đình

bị cáo gặp rất nhiều khó khăn, vất vả. Trong vụ án này người bị hại cũng có một phần lỗi đó là bà S điều khiển xe đạp vào ban đêm mà không có báo hiệu ở phía trước và sau xe. Bên cạnh đó, gia đình người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hiện tại, bị cáo là lao động chính trong gia đình đang phải nuôi 02 con nhỏ. Vì vậy, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách và áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Đối với bà Trương Thị S: Mặc dù bà S điều khiển xe đạp tham gia giao thông đúng phần đường quy định, nhưng việc bà S điều khiển xe đạp vào ban đêm mà không có báo hiệu ở phía trước và sau xe cũng là một phần nguyên nhân dẫn đến tai nạn, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật giao thông đường bộ “*Người điều khiển xe thô sơ khi đi vào ban đêm phải có báo hiệu ở phía trước và phía sau xe*”. Tuy nhiên, bà Trương Thị S đã chết nên không xem xét trách nhiệm trước pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Văn T đã chủ động, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho đại diện gia đình người bị hại với số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Đại diện gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[9] Về phần hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo làm nghề tự do đang phải nuôi 02 con nhỏ, thu nhập thấp và không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô BKS 36L6-131.68 và giấy chứng nhận đăng ký xe là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu H. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị H là phù hợp.

Đối với 01 xe đạp nữ màu xanh là tài sản của bà Trương Thị S, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Đại P là đại diện hợp pháp cho người bị hại là phù hợp.

Đối với giấy phép lái xe số 380185007497, hạng A1, mang tên Trần Văn T cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án nên trả lại cho bị cáo Trần Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (S mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/8/2024).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn T.

Giao bị cáo Trần Văn T cho UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 (một) giấy phép lái số 380185007497, hạng A1, mang tên Trần Văn T.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Công an huyện Vĩnh Lộc;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang